TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 681/2026/DS-ST
Ngày: 16/4/2026
V/v : Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thục Hiền

2. Bà Dương Triều Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào – Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 3 và ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1634/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 635/2026/QĐXXST-DS ngày 03/3/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 1103/2026/QĐST-DS ngày 30/3/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Số B - B đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện hợp pháp nguyên đơn: Ông Trần Gia T; Sinh năm 1971;

Địa chỉ liên hệ: Tầng A, Số B - 268 đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo văn bản ủy quyền số 3610A/2025/UQ-TGĐ ngày 29/12/2025

2. Bị đơn: Ông Cổ Nguyễn Thanh K; Sinh năm 1984;

CMND số: 025958158; Cấp ngày 17/09/2015;

Nơi cư trú: Căn hộ A lô C (E) chung cư C, Ấp F, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn thông qua đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 12/06/2018, ông Cổ Nguyễn Thanh K có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 214.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau:

Loại thẻ	**Số thẻ**	**Hạn mức**	**Ngày ký hợp đồng**	**Lãi suất áp dụng**
Visa Platinum	436438 - 9567	214.000.000	12/06/2018	2,48 %/tháng

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông K đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 5.160.659.816 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông K đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 4.942.102.365 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước
+ Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
+ Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
+ Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ
+ Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
+ Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông K vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên ngày 06/05/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là

239.172.754 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu ông K phải trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 16/04/2026 là **558.840.355 đồng**. Cụ thể là:

ĐVT: đồng

Loại thẻ	Số thẻ	Nợ gốc	Lãi quá hạn	Lãi suất áp dụng
Visa Platinum	436438 - 9567	239.172.754	319.667.601	3,72% (2,48% x 150%)

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông K, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông K vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S khởi kiện ông Cổ Nguyễn Thanh K để yêu cầu:

1. Buộc ông Cổ Nguyễn Thanh K phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/04/2026 là 558.840.355 đồng (Năm trăm năm mươi tám triệu, tám trăm bốn mươi ngàn, ba trăm năm mươi lăm đồng) trong đó:

- Nợ gốc : 239.172.754 đồng
- Lãi quá hạn : 319.667.601 đồng

2. Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/04/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất qui định tại Hợp đồng.

Ngân hàng xác định chỉ cho cá nhân ông K vay vốn, không liên quan đến người khác nên Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân ông K có nghĩa vụ thanh toán nợ, không yêu cầu người khác liên đới chịu trách nhiệm và cũng không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng trong vụ án này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng phía bị đơn cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không thể thu thập được ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Về phía Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp, cấp tống đạt văn bản tố tụng và thời hạn chuẩn bị xét xử theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

2. Về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hợp đồng: Xác định ngày 12/6/2018, Ngân hàng TMCP S và ông Cổ Nguyễn Thanh K có xác lập Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức 214.000.000 đồng.

- Về quá trình thực hiện hợp đồng: Ông K đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 5.160.659.816 đồng và mới thanh toán được 4.942.102.365 đồng. Do ông K vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 06/5/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn.

- Về căn cứ pháp lý: Việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thu hồi nợ là phù hợp với thỏa thuận của các bên và các quy định pháp luật tại Bộ luật Dân sự 2015, Luật các tổ chức tín dụng 2010 và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP.

3. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Buộc ông Cổ Nguyễn Thanh K trả cho Ngân hàng tổng số tiền 558.840.355 đồng (tạm tính đến ngày 16/4/2026), bao gồm: 239.172.754 đồng nợ gốc và 319.667.601 đồng tiền lãi.

- Buộc bị đơn tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 17/4/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn – Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Cổ Nguyễn Thanh K thanh toán toàn bộ số tiền nợ theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) đã ký kết ngày 12/6/2018. Như vậy, tranh chấp phát sinh trong vụ án là tranh chấp về quyền và nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ hợp đồng tín dụng được ký kết giữa tổ chức tín dụng và cá nhân vay vốn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Tố tụng dân sự năm 2015.

Do bị đơn – ông Cổ Nguyễn Thanh K theo kết quả xác minh của Công an xã B, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện thực tế cư trú tại Căn hộ A lô C (E) chung cư C, Ấp F, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không lý do; phiên hòa giải không tiến hành được. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn tiếp tục vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn thông qua đại diện hợp pháp có đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 12/06/2018, ông Cổ Nguyễn Thanh K có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng

thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 214.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Loại thẻ	Số thẻ	Hạn mức	Ngày ký hợp đồng	Lãi suất áp dụng
Visa Platinum	436438 - 9567	214.000.000	12/06/2018	2,48 %/tháng

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông K đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, dẫn đến phát sinh nợ quá hạn. Ngày 06/05/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với dư nợ tại thời điểm này là 239.172.754 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại) theo thỏa thuận tại Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng tín dụng được giao kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung phù hợp quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Bộ luật Dân sự, nên có hiệu lực pháp luật và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Việc bị đơn không thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ đã cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tính đến ngày 16/04/2026, ông K phải trả số tiền còn thiếu là **558.840.355 đồng**. Cụ thể là:

ĐVT: đồng

Loại thẻ	Số thẻ	Nợ gốc	Lãi quá hạn	Lãi suất áp dụng
Visa Platinum	436438 - 9567	239.172.754	319.667.601	3,72% (2,48% x 150%)

Các khoản lãi này được tính toán phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Sửa đổi bổ sung năm 2017), khoản 4 Điều 13 và khoản 5 Điều 14 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng N.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận toàn bộ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đã nhiều lần tống đạt hợp

lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập cho bị đơn để bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn ông Cổ Nguyễn Thanh K đều vắng mặt không có lý do chính đáng, không tham gia phiên họp, không thực hiện việc hòa giải theo quy định pháp luật.

Mặc dù Tòa án đã tạo điều kiện để bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để phản đối yêu cầu khởi kiện, không đưa ra yêu cầu phản tố, không đề nghị thu thập chứng cứ nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Hành vi nêu trên của bị đơn được xác định là không thực hiện nghĩa vụ tham gia tố tụng, vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đồng thời được xem là từ bỏ quyền trình bày ý kiến, quyền chứng minh và quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc bị đơn không tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ là tự tước bỏ quyền chứng minh của mình; Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập hợp pháp và do nguyên đơn cung cấp, làm căn cứ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Về lãi phát sinh sau thời điểm xét xử

Hội đồng xét xử xét thấy, tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ký ngày 12/6/2018, các bên đã thỏa thuận cụ thể về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi chậm trả; đồng thời thống nhất việc bên vay phải tiếp tục chịu lãi trên số dư nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ.

Thỏa thuận về lãi suất nêu trên phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 4 Điều 13 và khoản 5 Điều 14 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN. Do bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, nên phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, theo đúng thỏa thuận đã ký.

Yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi phát sinh sau thời điểm xét xử là có căn cứ pháp luật, nên được chấp nhận.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Căn cứ Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 01/7/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 3 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Áp dụng:

- Các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13;

- Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng N;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

2. Buộc ông Cổ Nguyễn Thanh K phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền vay nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 16/4/2026 là 558.840.355 đồng (Năm trăm năm mươi tám triệu tám trăm bốn mươi ngàn ba trăm năm mươi lăm đồng) trong đó: Nợ gốc: 239.172.754 đồng; Lãi quá hạn: 319.667.601 đồng.

3. Kể từ ngày 17/4/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, ông C Nguyễn Thanh K còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất và phương thức tính lãi đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 12/6/2018.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ông Cổ Nguyễn Thanh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 26.353.614đ (Hai mươi sáu triệu ba trăm năm mươi ba ngàn sáu trăm mười bốn đồng). Nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4.2. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.154.000đ (Tám triệu một trăm năm mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0034380 ngày 17/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh). Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo uy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Phòng THADS KV10-TP.HCM
- THA DS TP.HCM;
- VKSND KV 10-TP. HCM;
- TAND TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Lương Duy Minh Chính